

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 05/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Kế An

Ông Huỳnh Khắc Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 và ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018, theo Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/2018/TB-TAH, ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Cao Văn T, sinh năm 1991, tại Cần Thơ; tên gọi khác N. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Đ; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1973; Bị cáo có vợ tên Lê Thị N, sinh năm 1996, bị cáo chưa có con; Tiền án: 02 lần, lần 01: Ngày 16/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/4/2012, lần 02: Ngày 16/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm 6 tháng tù, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản và Chống người thi hành công vụ”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/4/2016; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/11/2016, chuyển tạm giam từ ngày 30/11/2016 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Hoàng M, sinh năm 1988, tại Tiền Giang; tên gọi khác: T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Z, xã A, huyện C, tỉnh T; Chỗ ở: Số 97/2, đường L, phường X, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn T, sinh năm 1957 và bà Võ Thị Y, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ tên Ngô Kim L, sinh năm 1992, con tên Trương Thị Thảo Q, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tuyên xử 04 (bốn) năm tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/02/2017 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công

an huyện Cai Lậy. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho các bị cáo T và M:

Anh Mai Huy M - Ủy viên Ban thường vụ Huyện Đoàn Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Luật sư bào chữa cho các bị cáo T và M:

Luật sư Nguyễn Phước T - Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Người bị hại:

1. Ông Phạm Trọng N, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh T.

2. Bà Phan Thị Q, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh T.

3. Chị Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

Địa chỉ: Phường R, thị xã C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 591, khu 2, thị trấn U, huyện C, tỉnh T.

2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh T.

3. Bà Đinh Thị C, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 34/1, đường 30/4, khu phố F, phường S, thị xã C, tỉnh T.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Z, xã B, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 01 giờ ngày 22/10/2016, Trương Hoàng M điều khiển xe mô tô biển số 63AN - 009.74 chở Cao Văn T đến huyện Cai Lậy, khi đi ngang nhà của anh Phạm Trọng N, sinh năm 1960, ngụ Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh T. T phát hiện nhà anh N khóa cửa nên rủ M vào trộm cắp tài sản, M đồng ý đứng ngoài canh giới, cho T lấy cây tua vít và chìa khóa số 14 dưới cốp xe để cạy hai ổ khóa cửa, khi vào nhà T đến tủ đựng vé số lấy trộm số tiền Việt Nam đồng, T đổ vé số ra lấy túi nhựa màu xanh để đựng số tiền vừa trộm được, lúc này M ở nhà sau lấy trộm cái bóp da trong đó có tiền Việt Nam đồng cùng một số giấy tờ tùy thân của anh N, khi M đi lên lầu, T đưa cho M cái túi màu xanh, M đi đến cầu thang lên tầng 1 thì M lấy cây tua vít màu vàng sọc đỏ, lúc này T bước sang tủ ly lấy trộm một cái đèn pin cùng cục sạc màu đen, số tiền Việt Nam đồng, sau đó lên tầng 1 cất số tiền vào cái túi màu xanh M đang giữ, còn đèn pin thì T cất vào túi quần. Tại tầng 1 M kéo học tủ nhựa ra lấy trộm số tiền Việt Nam đồng, rồi dùng cây tua vít cạy tủ cây kế bên, khi cạy được T lấy ra một cái hộp đựng vàng nữ trang, T và M lấy trộm số vàng gồm: một sợi dây chuyền vàng 18 kara đã được xi màu trắng kiểu cà na trọng lượng 3 chỉ 8 phân 7 ly, một đôi bội tai màu vàng loại trơn, một đôi bông tai màu trắng kiểu đính vụn có hạt màu trắng, một chiếc

vòng cẩm thạch màu xanh có cán hai khúc vàng, một chiếc nhẫn màu vàng loại trơn, một chiếc nhẫn màu trắng có hột màu trắng bằng inox, một chiếc lắc màu vàng kiểu mắc xích bằng vuông, sau đó cả hai xuống tầng trệt trộm chiếc xe mô tô hiệu Future FI biển số 63B2 - 469.95, hai cái áo khoác, hai con dao, rồi cùng tàu thoát đến nhà trọ Ngọc Yến do anh Đoàn Văn Ý ngụ ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang làm chủ để kiểm tra số tiền Việt Nam trộm được là 7.500.000 đồng, M chia cho T 2.000.000 đồng, M giữ 5.500.000 đồng. Đến sáng cùng ngày M liên hệ với người tên Vũ (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) để bán chiếc xe mô tô biển số 63B2 - 469.95 với giá 10.000.000 đồng, M chia cho T 5.000.000 đồng, M 5.000.000 đồng. Đối với số vàng trộm được M đã ba lần đưa cho ba người không rõ họ tên địa chỉ bán được tổng cộng là 8.600.000 đồng, M chia cho T 2.400.000 đồng, còn lại 6.200.000 đồng M giữ. Khi bán phát hiện số vàng không bán được là vàng giả gồm: một đôi bông tai màu trắng kiểu dẹt vắn có hột màu trắng, một chiếc nhẫn màu trắng có hột màu trắng bằng inox, một chiếc lắc màu vàng kiểu mắc xích bằng vuông, nên cả hai bị can đã bỏ đi không xác định được địa điểm nên không thu giữ được.

Trong quá trình điều tra, Cao Văn T và Trương Hoàng M còn khai nhận đã thực hiện 01 vụ trộm cắp xe mô tô như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 20/10/2016, Cao Văn T điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở Trương Hoàng M đến huyện Cái Bè, khi đi ngang quán Mì Cay 79 thuộc ấp 4, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, M phát hiện trước cửa quán có chiếc xe mô tô biển số 63L1-2949 đậu không người trong giữ nên M nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên, liền dừng xe rủ T trộm cắp, T đồng ý đứng canh giới cho M dùng tua vít lấy trong cốp xe đến cạy ổ khóa xe mô tô biển số 63L1-2949 nhưng không được, nên T đi đến dẫn trộm chiếc xe mô tô biển số 63L1-2949 ra lộ để M điều khiển xe mô tô đẩy T ngồi trên chiếc xe mô tô trộm được đi đến con hẻm gần đó bứt dây điện, T điều khiển xe đi bán cho người không rõ họ tên địa chỉ được 1.000.000 đồng, T chia cho M 500.000 đồng, T 500.000 đồng. Sau đó T chuộc lại chiếc xe mô tô trộm được để sử dụng sau đó bị mất trộm nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với số tiền cả hai bị cáo có được trong việc trộm cắp tài sản thì đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo biên bản định giá và kết luận giá số 84 ngày 26/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cai Lậy xác định: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hamada loại 110 màu đỏ đen xám, số máy 152FMH00192842, số khung HMXM6H192842, biển số 63L1 - 2949 trị giá 4.000.000 đồng.

Theo biên bản định giá và kết luận giá số 64 ngày 26/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cai Lậy xác định: chiếc xe mô tô hiệu Future FI màu đen ghi số máy C54E-2047760, số khung 5377EY015881 biển số 63B2 - 469.95 trị giá 25.000.000 đồng.

Theo biên bản định giá và kết luận giá số 43 ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cai Lậy xác định: một sợi dây chuyền kiểu cà na loại vàng 18 kara đã được xi màu trắng trọng lượng 3 chỉ 8 phân 7 ly, trị giá 8.460.000 đồng; Một cái áo khoác bằng vải loại áo nữ màu sọc đen và màu xanh dương trị giá 40.000 đồng; Hai con dao bằng sắt màu trắng cán bằng cây trị

giá 80.000 đồng; Một cái đèn pin màu đen dài khoảng 5 cm và cục sạc màu đen trị giá 200.000 đồng; Một cây tua vít màu vàng sọc đỏ trị giá 30.000 đồng, tổng giá trị tài sản thiệt hại là 8.810.000 đồng.

Anh Phạm Trọng N và chị Phan Thị Q xác định tài sản bị mất trộm tổng giá trị là 190.000.000 đồng, nhưng hai bị cáo chỉ thừa nhận đã lấy số tiền Việt Nam 7.500.000 đồng, một sợi dây chuyền kiểu cà na, con dao, áo khoác, tua vít, đèn pin, tổng số tiền là 16.310.000 đồng.

Ngoài ra, Cao Văn T và Trương Hoàng M thừa nhận đã trộm tại nhà của anh Phạm Trọng N các tài sản như: Một đôi bông tai màu vàng loại tròn, một đôi bông tai màu trắng kiểu dẹt vặn có hạt màu trắng, một chiếc vòng cẩm thạch màu xanh có cấn hai khúc vàng, một chiếc nhẫn màu vàng loại tròn, một chiếc nhẫn màu trắng có hạt màu trắng bằng inox, một chiếc lắc màu vàng kiểu mắc xích bằng vuông, tuy nhiên người bị hại chị Phan Thị Q xác định không bị mất những loại tài sản trên, nên chưa xác định được bị hại đối với những tài sản này, do đó cơ quan điều tra tách ra xử lý bằng vụ án khác.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Cao Văn T và Trương Hoàng M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 22/KSĐT ngày 08/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố bị cáo Cao Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, Trương Hoàng M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ, chứng M hành vi phạm tội của hai bị cáo và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, Điều 33, điểm n, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt từ 04 năm đến 05 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 33, điểm n, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Hoàng M phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 56/2017/HSST, ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xử phạt bị cáo 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm luật sư bào chữa cho các bị cáo vắng mặt không có lý do, người giám hộ cho các bị cáo và bản thân các bị cáo cũng đồng ý xét xử vắng mặt luật sư nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt luật sư bào chữa theo chỉ định cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận: Khoảng 2 giờ 40 phút, ngày 20/10/2016 và ngày 22/10/2016 tại địa bàn huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Cao Văn T và Trương Hoàng M đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản gồm: Xe mô tô biển số 63B2-469.95, xe mô tô biển số 63L1-2949, tiền Việt Nam 7.500.000 đồng, một sợi dây chuyền kiểu cẩu na loại vàng 18 kara đã được xi màu trắng, trọng lượng 3 chỉ 8 phân 7 ly, hai con dao, hai cái áo khoác, một cây tua vít, một đèn pin màu đen cùng cục sạc, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 45.310.000 đồng. Lời khai nhận trên của hai bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại chị Võ Thị Tuyết M, một phần tài sản của người bị hại anh Phạm Trọng N và chị Phan Thị Q, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do bị cáo Cao Văn T có 2 tiền án, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc T hợp tái phạm nguy hiểm, nên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy đã có quyết định truy tố bị cáo Cao Văn T phạm tội trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự, truy tố Trương Hoàng M phạm tội trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc T hợp nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân, là một trong những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang man trong nhân dân. Cả hai bị cáo đều là người đã thành niên, mặc dù bị hạn chế khả năng nhận thức nhưng cũng biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác một cách trái pháp luật nên cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng sẽ xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định của pháp luật để có mức hình phạt phù hợp.

[4] Trong phần xét hỏi và tranh luận, các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cũng đã làm rõ hơn động cơ, mục đích và hoàn cảnh phạm tội của từng bị cáo, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong khoảng thời gian ngắn, vì vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Cả hai lần phạm tội các bị cáo đều chuẩn bị phương tiện và công cụ phạm tội, dùng tua vít để mở ổ khóa cửa nhà và xe mô tô để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của người khác, bán và chia tiền tiêu xài. Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, bởi vì không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, tuy có sự chuẩn bị phương tiện, công cụ phạm tội nhưng cả hai cùng

giữ vai trò là người thực hành. Về nhân thân, bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định, từng có hai tiền án, trong đó có một tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên T phạm tội thuộc T hợp tái phạm nguy hiểm. Đối với bị cáo M chưa có tiền án nhưng ngày 08/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xử phạt 4 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, trong quá điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cả hai bị cáo đều bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm n, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra các bị cáo còn khai thêm một vụ trộm cắp xe đã xảy ra trước đó nên các bị cáo cũng được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là đầu thú theo qui định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại anh Phạm Trọng N và chị Phan Thị Q xác định tổng số tài sản bị mất trộm là 190.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bị cáo chỉ thừa nhận đã lấy trộm số tiền 7.500.000 đồng, một sợi dây chuyền kiểu cà na trọng lượng 3 chỉ 8 phân 7 ly, hai con dao, hai áo khoác, một cây tua vít, một đèn pin và một cục sạc tổng giá trị tài sản là 16.310.000 đồng. Ngoài ra T và M còn thừa nhận đã lấy trộm tại nhà của anh N và chị Q các tài sản như; một đôi bông tai màu vàng loại trơn, một đôi bông tay màu trắng kiểu dít vặn có hột màu trắng, một chiếc vòng cẩm thạch màu xanh có cấn hai khúc vàng, một chiếc nhẫn màu vàng loại trơn, một chiếc nhẫn màu trắng có hột màu trắng bằng inox, một chiếc lắc màu vàng kiểu mắc xích bằng vuông. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, cơ quan tiến hành tố tụng không chứng M được bị cáo đã trộm số tiền và tài sản theo lời khai của người bị hại. Mặt khác, chị Q cũng xác định những tài sản có đặc điểm trên không thuộc quyền sở hữu của chị, nên Cơ quan điều tra tách ra để xử lý sau bằng vụ án khác nếu có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: Một chiếc xe mô tô hiệu Future FI biển số 63B2 - 469.95 màu đen, ghi cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phạm Trọng N; Một giấy chứng M nhân dân tên Phạm Trọng N; Một giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Võ Thị Tuyết M. Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh Phạm Trọng N và chị Võ Thị Tuyết M.

Đối với các loại giấy tờ của chị Võ Thị Tuyết M như: Giấy đăng ký xe mô tô biển số 63B1 - 310.53, giấy đăng ký xe mô tô biển số 63L1 - 2949; Và giấy phép lái xe hạng A1 tên Phạm Trọng N, giấy bảo hiểm xe biển số 63B2 - 469.95, một thẻ bảo hiểm y tế tên Phạm Trọng N, một thẻ bảo hiểm y tế tên Phan Thị Q. Các tài sản trộm được tại nhà anh N như hai cái áo khoác, hai con dao, một cây tua vít màu vàng sọc đỏ và cây tua vít làm công cụ cạy ổ khóa xe mô tô biển số 63L1 - 2949 thì cả hai bị cáo đã làm mất không xác định được địa điểm, nên cơ quan điều tra không truy tìm được.

Đối với cái đèn pin màu đen cùng cục sạc, T để vào cốp xe mô tô biển số 63AN - 009.74, rồi điều khiển đến địa phận Cần Thơ và bị cảnh sát giao thông không biết đơn vị nào tạm giữ xe, do đó không thu giữ được đèn pin, cục sạc và chiếc xe mô tô biển số 63AN - 009.74.

Đối với các loại vàng nữ trang bị cáo trộm được gồm: một sợi dây chuyền vàng 18 kara đã được xi màu trắng kiểu cà na trọng lượng 3 chỉ 8 phân 7 ly, một đôi bông tai màu vàng loại trơn, một đôi bông tai màu trắng kiểu dít vận có hột màu trắng, một chiếc vòng cầm thạch màu xanh có cần hai khúc vàng, một chiếc nhẫn màu vàng loại trơn, một chiếc nhẫn màu trắng có hột màu trắng bằng inox, một chiếc lắc màu vàng kiểu mắc xích bằng vuông, M đã đưa cho những người không biết tên địa chỉ cụ thể đi bán và không xác định được đã bán ở tiệm vàng nào, do đó không tiến hành thu giữ được.

Đối với cây tua vít và chìa khóa số 14 dùng để cạy ổ khóa cửa nhà của anh Phạm Trọng N, sau khi T sử dụng đã đến khu vực thuộc ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang ném bỏ, nhưng cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Những công cụ, phương tiện phạm tội và các tài sản do các bị cáo trộm cắp nêu trên, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm đúng qui định nhưng không thu giữ được. Mặt khác, những người bị hại cũng không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại anh Phạm Trọng N, chị Phan Thị Q và chị Võ Thị Tuyết M không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về trách nhiệm hình sự là có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Người giám hộ cho các bị cáo anh Mai Huy M cũng có yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo qui định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Án phí: Bị cáo Cao Văn T và Trương Hoàng M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 4 năm 6 tháng tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 27/11/2016).

3. Tuyên bố bị cáo Trương Hoàng M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
4. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 và Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng M 2 năm 6 tháng tù. Tổng hợp hình phạt bản án số 56/2017/HSST, ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (xử phạt bị cáo 4 năm tù về tội trộm cắp tài sản). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 6 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2016.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Cao Văn T và Trương Hoàng M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, người giám hộ cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền, N vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với luật sư bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi và N vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Án tuyên lúc 8 giờ 00 phút ngày 05 tháng 6 năm 2018, có mặt các bị cáo, người giám hộ của các bị cáo, vắng mặt luật sư bào chữa cho các bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan (không có lý do).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phụng